

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

| | |
|----------------------------------|-----------------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Số: ... C |
| | Ngày: ... 03/12 |

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của doanh nghiệp nhà nước.

Chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phải do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm:

1. Doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

3. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con đầu tư vào doanh nghiệp mà công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ quản lý ngành), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các tổ chức, cá nhân có liên quan đến giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chiến lược được giao của doanh nghiệp” được hiểu là chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển thực hiện trong giai đoạn 10 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. “Kế hoạch được giao của doanh nghiệp” được hiểu là kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. “Giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch” là hoạt động theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất quá trình thực hiện chiến lược và kế hoạch của doanh nghiệp.

4. Công ty mẹ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước; công ty mẹ của tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Giám sát thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trên cơ sở quy định tại Điều 7 Nghị định này, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chi tiết nội dung giám sát tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 6 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện giữa kỳ chiến lược được giao của các doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược được giao của các doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao của các doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao của các doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao trong năm trước của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Báo cáo gửi đúng thời hạn, nội dung quy định được nêu tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

7. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Báo cáo gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo chế độ "Mật".

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 7 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện giữa kỳ chiến lược được giao của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

b) Trong vòng 120 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện chiến lược được giao của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 9 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện giữa kỳ kế hoạch 05 năm được giao của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

b) Trong vòng 120 ngày kể từ khi kết thúc kế hoạch 05 năm, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

3. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, báo cáo Chính phủ việc thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh được giao trong năm trước của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong phạm vi toàn quốc.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

1. Giám sát thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

2. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược.

a) Trước ngày 15 tháng 5 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện chiến lược được giao của doanh nghiệp.

b) Trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược được giao của doanh nghiệp.

3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm.

a) Trước ngày 15 tháng 7 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao của doanh nghiệp.

b) Trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc kỳ kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao của doanh nghiệp.

4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hằng năm.

a) Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, gửi báo cáo ước thực hiện 6 tháng đầu năm và cả năm các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm kế hoạch được giao của doanh nghiệp.

b) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, gửi báo cáo ước thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch được giao năm trước; báo cáo kế hoạch năm tiếp theo của doanh nghiệp.

c) Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao năm trước của doanh nghiệp.

5. Báo cáo gửi đúng thời hạn, nội dung quy định được nêu tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này tới Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp.

6. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu báo cáo đột xuất thì Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo đúng nội dung và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

Điều 7. Nội dung báo cáo tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược gồm có các nội dung chính như sau:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao trong chiến lược.

b) Tiến độ và mức độ thực hiện các giải pháp nêu trong chiến lược bao gồm cả biện pháp tổ chức thực hiện chiến lược.

c) Đánh giá những hạn chế, sai phạm, nguyên nhân của việc không thực hiện hoặc thực hiện không tốt chiến lược.

d) Trách nhiệm của các đối tượng được nêu tại Điều 2 Nghị định này trong việc tổ chức thực hiện chiến lược.

d) Xây dựng giải pháp tiếp theo để hoàn thành mục tiêu trong chiến lược.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch có nội dung chính như sau:

a) Tình hình thực hiện các mục tiêu chính của kế hoạch: doanh thu; lợi nhuận; nộp ngân sách; sản lượng sản phẩm chủ yếu (áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất).

b) Tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao: nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công ích.

c) Tình hình thực hiện các ngành, nghề kinh doanh được giao.

d) Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển trong kế hoạch 05 năm và hằng năm.

đ) Tình hình thực hiện các giải pháp đã đề ra trong kế hoạch.

e) Hạn chế, nguyên nhân của việc không thực hiện hoặc thực hiện không tốt kế hoạch.

g) Các giải pháp tiếp theo để hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch hoặc đề xuất bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hằng năm so với kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt (nếu cần thiết).

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 8. Thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp

1. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Điều 9. Nội dung kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp

1. Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; ngành, nghề kinh doanh trong chiến lược và kế hoạch.

2. Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển trong kế hoạch 05 năm và hằng năm.

3. Tiến độ và mức độ thực hiện các giải pháp nêu trong chiến lược, kế hoạch bao gồm cả biện pháp tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch.

4. Những sai phạm, yếu kém trong thực hiện chiến lược và kế hoạch.

5. Kết quả thực hiện chiến lược và kế hoạch; những hạn chế, nguyên nhân của việc không thực hiện hoặc thực hiện không tốt các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch (bao gồm trách nhiệm của cơ quan thực hiện chiến lược, kế hoạch và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan).

7. Đánh giá sự phù hợp của chiến lược, kế hoạch so với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành tại thời điểm kiểm tra.

Điều 10. Kiểm tra thông qua báo cáo

1. Kiểm tra thông qua báo cáo được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

2. Nội dung báo cáo và thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

3. Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra xem xét báo cáo, xử lý thông tin, yêu cầu thẩm định thông tin và có kết luận kiểm tra.

4. Thời gian cho doanh nghiệp chuẩn bị báo cáo ít nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

Trong trường hợp đặc biệt, thời gian cho doanh nghiệp được kiểm tra chuẩn bị báo cáo do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định.

Điều 11. Kiểm tra thông qua làm việc với doanh nghiệp được kiểm tra

1. Định kỳ hằng năm ít nhất 01 lần, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra một số doanh nghiệp về việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra mời đại diện doanh nghiệp được kiểm tra làm việc tại trụ sở cơ quan mình hoặc cử đại diện của cơ quan mình đến làm việc tại doanh nghiệp được kiểm tra.

2. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp để tiến hành kiểm tra:

a) Doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt được quy định tại Điều 10 Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước (ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ).

b) Doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc điều tiết thị trường, đảm bảo an sinh xã hội, đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách nhà nước.

c) Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh, hoặc báo cáo không đầy đủ, không chính xác nội dung theo quy định.

Điều 12. Tổ chức đoàn kiểm tra

1. Thành lập đoàn kiểm tra:

a) Kiểm tra thông qua thành lập đoàn kiểm tra được ghi vào kế hoạch kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Đoàn kiểm tra được thành lập trên cơ sở quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, đồng thời gửi quyết định và nội dung kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra ít nhất là 10 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.

b) Trường hợp kiểm tra đột xuất, đoàn kiểm tra phải có trách nhiệm thông báo thời gian, nội dung kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.

2. Hoạt động của đoàn kiểm tra:

a) Đoàn kiểm tra hoạt động theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đoàn kiểm tra có quyền làm việc trực tiếp với đối tượng được kiểm tra; yêu cầu đối tượng được kiểm tra báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra.

c) Thời gian hoạt động của đoàn kiểm tra do người ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra quyết định, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

3. Trong quá trình kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản để xác nhận việc thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra. Biên bản phải có các nội dung như sau:

a) Ngày, tháng, năm lập biên bản;

b) Họ và tên, chức vụ của trưởng đoàn kiểm tra;

c) Họ và tên, chức vụ của đại diện doanh nghiệp được kiểm tra;

d) Thông tin, tài liệu được thu thập, cung cấp;

d) Xác nhận của trưởng đoàn kiểm tra và đại diện doanh nghiệp được kiểm tra.

Điều 13. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Ngay sau khi kết thúc kiểm tra, đoàn kiểm tra phải lập báo cáo về kết quả kiểm tra. Thời gian lập báo cáo kết quả kiểm tra tối đa là 10 ngày làm việc.

2. Nội dung báo cáo bao gồm các vấn đề sau đây:

a) Căn cứ tiến hành kiểm tra;

b) Thời gian, địa điểm kiểm tra;

c) Thành phần đoàn tham gia kiểm tra;

d) Nội dung kiểm tra;

đ) Kết quả đạt được và những sai phạm, yếu kém trong thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ được giao;

e) Ý kiến của các cơ quan tham gia kiểm tra và đề xuất của cơ quan chủ trì về xử lý kết quả kiểm tra;

g) Kiến nghị của doanh nghiệp được kiểm tra về việc sửa đổi, bổ sung chiến lược, kế hoạch không phù hợp;

h) Kết luận xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền việc xử lý, khắc phục những sai trái, yếu kém trong thực hiện, cũng như việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ chiến lược, kế hoạch không phù hợp.

3. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra phải được gửi lấy ý kiến của các cơ quan tham gia kiểm tra, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Báo cáo kết quả kiểm tra được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ được giao của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Trường hợp Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (thuộc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch được giao của các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ: Báo cáo kết quả kiểm tra được gửi tới Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu Người đại diện báo cáo để giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Trên cơ sở quy định tại Điều 7 Nghị định này, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chi tiết nội dung giám sát tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Trước ngày 15 tháng 6 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện giữa kỳ chiến lược của các doanh nghiệp.

b) Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp.

4. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp.

b) Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp.

5. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh trong năm trước của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo theo đúng thời hạn, nội dung quy định được nêu tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

7. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo chế độ "Mật".

8. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty mẹ có quyền yêu cầu Người đại diện báo cáo để giám sát thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Điều 15. Quyền, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 7 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện giữa kỳ chiến lược của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

b) Trong vòng 120 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

a) Trước ngày 15 tháng 9 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện giữa kỳ kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

b) Trong vòng 120 ngày kể từ khi kết thúc kế hoạch 05 năm, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc.

3. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, báo cáo Chính phủ việc thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh trong năm trước của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong phạm vi toàn quốc.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện

Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước có trách nhiệm sau đây:

1. Giám sát thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do công ty mẹ sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

2. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

a) Trước ngày 15 tháng 5 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

b) Trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của doanh nghiệp.

a) Trước ngày 15 tháng 7 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp.

b) Trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc kỳ kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp.

4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hằng năm của doanh nghiệp.

a) Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, gửi báo cáo thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

b) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, gửi báo cáo ước thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ của năm trước; báo cáo kế hoạch năm tiếp theo của doanh nghiệp.

c) Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, gửi báo cáo thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ trong năm trước của doanh nghiệp.

5. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu báo cáo đột xuất thì Người đại diện có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo đúng nội dung và đảm bảo thời hạn theo yêu cầu.

6. Gửi báo cáo đúng thời hạn, nội dung quy định được nêu tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này tới Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc gửi Hội đồng thành viên của công ty mẹ để tổng hợp.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA DOANH NGHIỆP MÀ NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 17. Thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp

1. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan yêu cầu Người đại diện báo cáo để kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty (thuộc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) yêu cầu Người đại diện báo cáo để kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao của các công ty con do công ty mẹ sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

Điều 18. Nội dung và cách thức tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp

Nội dung và cách thức tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp được áp dụng tương tự như quy định tại Điều 9 và Điều 12 Nghị định này.

Điều 19. Kiểm tra thông qua báo cáo

1. Kiểm tra thông qua báo cáo được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.
2. Nội dung báo cáo và thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.
3. Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra xem xét báo cáo, xử lý thông tin, yêu cầu thẩm định thông tin và có kết luận kiểm tra.
4. Thời gian cho Người đại diện chuẩn bị báo cáo ít nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian chuẩn bị báo cáo do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định.
5. Trong trường hợp Người đại diện không báo cáo, báo cáo không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, báo cáo không trung thực kết quả tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của doanh nghiệp thì đoàn kiểm tra yêu cầu trực tiếp Người đại diện báo cáo giải trình bổ sung.

Điều 20. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Ngay sau khi kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra phải lập báo cáo về kết quả kiểm tra. Thời gian lập báo cáo kết quả kiểm tra tối đa là 15 ngày làm việc.
2. Nội dung báo cáo bao gồm các vấn đề sau đây:
 - a) Căn cứ tiến hành kiểm tra;
 - b) Thời gian, địa điểm kiểm tra;
 - c) Thành phần đoàn tham gia kiểm tra;
 - d) Nội dung kiểm tra;
 - đ) Kết quả đạt được và những sai phạm, yếu kém trong thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao;

e) Ý kiến của các cơ quan tham gia kiểm tra và đề xuất của cơ quan chủ trì về xử lý kết quả kiểm tra;

g) Kiến nghị của Người đại diện được kiểm tra về việc sửa đổi, bổ sung chiến lược, kế hoạch không phù hợp;

h) Kết luận xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền việc xử lý, khắc phục những sai trái, yếu kém trong thực hiện, cũng như việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ chiến lược, kế hoạch không phù hợp.

3. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra phải được gửi lấy ý kiến của các cơ quan tham gia kiểm tra, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Trường hợp Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tổ chức kiểm tra thì báo cáo kết quả kiểm tra được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

5. Trường hợp Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (thuộc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ được giao của các công ty con do công ty mẹ sở hữu trên 50% vốn điều lệ: báo cáo kết quả kiểm tra được gửi tới Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Giám sát về thực hiện chế độ báo cáo

1. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo của các doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo của các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm công bố báo cáo giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước

1. Hằng năm, Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào kết quả thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp trực thuộc để tiến hành công bố kết quả.

Đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Bộ quản lý ngành hướng dẫn phương thức và nội dung công khai kết quả thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp trực thuộc.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thực hiện công bố thông tin theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước không hoàn thành chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao

1. Đối với tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước:

Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước không hoàn thành chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi doanh nghiệp trực thuộc không hoàn thành chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi doanh nghiệp không hoàn thành chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty mẹ đầu tư tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty mẹ khi doanh nghiệp không hoàn thành chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

1. Đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Người đại diện nếu vi phạm các quy định sau:

a) Không thực hiện đầy đủ các nội dung giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của các công ty con.

b) Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định tại Nghị định này; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ.

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của chủ sở hữu nhà nước, để doanh nghiệp không hoàn thành việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan cấp trên áp dụng các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức đối với chủ sở hữu doanh nghiệp nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Không thực hiện đầy đủ các nội dung giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Không kịp thời đưa ra các biện pháp chấn chỉnh và xử lý sai phạm trong quá trình doanh nghiệp nhà nước thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ.

c) Không nộp báo cáo theo quy định tại Điều 4 và Điều 14 Nghị định này.

d) Báo cáo không trung thực kết quả tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hằng năm khi xếp loại doanh nghiệp sẽ hạ một mức xếp loại đối với chỉ tiêu chấp hành các quy định của pháp luật nếu doanh nghiệp vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2015.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể mức độ, quy trình xem xét kỷ luật đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 24 Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b). **365**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng